

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày 24/01/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Đình Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thanh Nhân và ông Nguyễn Thế Căn.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Lục Thanh Hương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** ông Vương Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Bùi Thị G (tên gọi khác Bùi Thị T), sinh năm 1977; nơi thường trú: thôn E, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: thôn A, xã Q, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- **Bị đơn:** anh Lương Văn C, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn E, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 7 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh C tìm hiểu nhau trên cơ sở tình cảm, hai bên quyết định đi đến kết hôn vào ngày 14/04/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Việc đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Khoảng thời gian sau kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên đến khoảng năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân mâu thuẫn phát sinh từ việc bắt đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hai bên đã nhiều lần ngồi nói chuyện nhưng không giải quyết được những mâu thuẫn, hiện vợ chồng đã ly thân trong khoảng thời gian dài. Đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn C.

Về con chung: chị và anh Lương Văn C có 03 (ba) con chung là Lương Minh Đ, sinh ngày 10/3/2009, Lương Minh T1, sinh ngày 21/02/2013 và Lương Gia H, sinh ngày 08/9/2017. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lương Minh T1 và Lương Gia H đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), đề nghị anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lương Minh Đ đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn, chị yêu cầu hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị và anh C không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lương Văn C, tuy nhiên anh C sau khi đọc nội dung các văn bản tố tụng đều từ chối nhận văn bản tố tụng mà không có lý do, không chấp hành nội dung giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp lời khai cũng như bản tự khai trình bày về quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, từ chối nhận thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, từ chối nhận giấy triệu tập tham gia tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các Quyết định hoãn phiên tòa.

Tại biên bản xác minh ngày 06/11/2023 về nguyên nhân việc phát sinh tranh chấp ly hôn giữa chị G và anh C tại cộng đồng dân cư thôn E, xã H, thành phố M, đại diện cộng đồng dân cư thôn E, xã H, thành phố M cho biết: vợ chồng chị G và anh C hiện đang xảy ra mâu thuẫn, xung đột, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh:

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: cuộc sống hôn nhân giữa chị G và anh C có mâu thuẫn, giữa hai bên không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân trong khoảng thời gian dài. Anh C không đến làm việc tại Tòa án, thể hiện không có ý hàn gắn mối quan hệ. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị G, xử cho chị G được ly

hôn anh Lương Văn C.

+ Về con chung: xét tình hình thực tế, nguyện vọng của chị G, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị G. Giao cho chị được nuôi cháu Lương Minh T1 và Lương Gia H đến khi thành niên, anh C nuôi cháu Lương Minh Đ đến khi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

+ Về tài sản chung và khoản nợ chung: nguyên đơn chị Bùi Thị G trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: chị Bùi Thị G phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: đây là tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con nên căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị Bùi Thị G và anh Lương Văn C cư trú tại thành phố M nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lương Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh C đều từ chối nhận văn bản, không chấp hành các nội dung yêu cầu của Tòa án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị G có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn anh Lương Văn C đã được triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ ba, nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị G đối với anh Lương Văn C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị G và anh Lương Văn C quen biết nhau trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và tiến bộ đã cùng nhau tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh ngày 14/4/2008. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa, chị Bùi Thị G giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lương Văn C. Bị đơn anh Lương Văn C vắng mặt tại phiên tòa, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn anh Lương Văn C biết được nội dung khởi kiện, thời gian, nội dung các buổi làm việc theo giấy triệu tập, biết được thời gian, địa điểm xét xử, việc hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn anh Lương

Văn C không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Ngày 08/01/2024, tại biên bản về việc từ chối nhận văn bản tố tụng, có sự chứng kiến của Trưởng thôn 5, xã H, thành phố M, bị đơn anh Lương Văn C thể hiện ý kiến: “anh và chị G đã ly thân được 04 năm, anh không đánh đuổi chị G, chị G tự làm đơn ly hôn, nếu chị G về nhà gặp anh thì anh nhất trí ly hôn, còn nếu chị G muốn lên Tòa thì anh không nhận giấy tờ của Tòa án và không tham gia phiên tòa”. Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập ngày 06/11/2023, về nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa chị G và anh C tại cộng đồng dân cư thôn E, xã H, thành phố M thể hiện: vợ chồng chị G và anh C có mâu thuẫn, xung đột, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay. Như vậy, có thể khẳng định tình trạng hôn nhân của chị G và anh C trầm trọng, mâu thuẫn không thể hòa giải, các đương sự đều đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị G là có cơ sở, Hội đồng xét xử thấy phù hợp cần chấp nhận.

[4] Về con chung: chị và anh Lương Văn C có 03 (ba) con chung là Lương Minh Đ, sinh ngày 10/3/2009, Lương Minh T1, sinh ngày 21/02/2013 và Lương Gia H, sinh ngày 08/9/2017. Xét yêu cầu của nguyên đơn và quyền lợi của các con chưa thành niên, cháu Lương Minh T1 và Lương Gia H tuổi còn nhỏ, cần sự chăm sóc, yêu thương của mẹ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung Lương Minh T1 và Lương Gia H cho chị Bùi Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên, giao con chung Lương Minh Đ cho anh Lương Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh Lương Văn C vắng mặt, không cung cấp, trình bày quan điểm của mình về nghĩa vụ cấp dưỡng các con chung khi ly hôn. Nguyên đơn chị Bùi Thị G có quan điểm hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi bên.

[6] Về tài sản chung và khoản nợ chung: nguyên đơn chị Bùi Thị G trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Về quyền kháng cáo và án phí: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, chị Bùi Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị G (tên gọi khác: Bùi Thị

T).

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị G được ly hôn anh Lương Văn C.
2. Về con chung: giao con chung Lương Minh T1, sinh ngày 21/02/2013 và Lương Gia H, sinh ngày 08/9/2017 cho chị Bùi Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Giao con chung Lương Minh Đ, sinh ngày 10/3/2009 cho anh Lương Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Hai đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Bùi Thị G và anh Lương Văn C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và khoản nợ chung: không có, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Bùi Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003006 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Chị Bùi Thị G đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn chị Bùi Thị G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lương Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh QN;
- TAND tỉnh QN;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan THADS cùng cấp;
- UBND xã Hải Đông;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đình Khoa